

Số: 331 /BC-STP

Tuyên Quang, ngày 14 tháng 11 năm 2022

BÁO CÁO

Tổng kết Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2019-2022” ban hành tại Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 19/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Văn bản số 745/BTP-PBGDPL ngày 14/3/2022 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn thực hiện công tác phổ biến giáo dục pháp luật; hoà giải ở cơ sở; đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022; Văn bản số 4329/UBND-NC ngày 20/10/2022 của UBND tỉnh về việc tổng kết Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2019-2020”, Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang báo kết quả thực hiện Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2019-2022” ban hành tại Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 19/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ (*sau đây viết tắt là Đề án*), như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, HƯỚNG DẪN, KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Công tác xây dựng, ban hành kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện Đề án.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 31/7/2019 về thực hiện Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2019 - 2022” trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (*sau đây viết tắt là kế hoạch số 93/KH-UBND*); Văn bản số 619/UBND-NC ngày 16/3/2020 chỉ đạo thực hiện Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2019 - 2022” năm 2020. Sở Tư pháp ban hành **02** văn bản hướng dẫn thực hiện công tác hoà giải ở cơ sở¹. Toàn tỉnh đã ban hành **138** văn bản triển khai thực hiện Đề án².

2. Công tác kiểm tra, sơ kết, tổng kết đánh giá việc thực hiện Đề án

Việc kiểm tra thực hiện Đề án được thực hiện cùng với kiểm tra công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) của Hội đồng phối hợp PBGDPL và kiểm tra công tác tư pháp. Các cơ quan, đơn vị đã tổ chức **07** đoàn kiểm tra, kiểm tra tại **16** cơ quan, đơn vị (*Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp tỉnh, Sở Tư pháp tổ chức 04 đoàn kiểm tra tại 08 cơ quan, đơn vị; cấp huyện tổ chức 03 đoàn kiểm tra tại 08 cơ quan, đơn vị*).

¹ (1) Văn bản số 962/STP- PBGDPL ngày 09/10/2019 về chỉ đạo thực hiện công tác hoà giải ở cơ sở; (2) Văn bản số 306/STP- PBGDPL ngày 12/4/2019 về theo dõi tình hình thi hành Pháp luật về hoà giải ở cơ sở.

² Cấp tỉnh: 29 Văn bản; cấp huyện, cấp xã: 109 Văn bản.

Công tác sơ kết, tổng kết việc thực hiện Đề án được thực hiện theo quy định. UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 4329/UBND-NC ngày 20/10/2022 đề hướng dẫn các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố tổng kết Đề án; định kỳ 6 tháng, hằng năm thống kê, báo cáo kết quả thực hiện Đề án theo quy định.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CỦA ĐỀ ÁN

1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ của Đề án

1.1. Hoạt động biên soạn, phát hành các tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ; tài liệu hỗ trợ, tham khảo dành cho hòa giải viên, tập huấn viên

Sở Tư pháp đã biên soạn cuốn tài liệu “*Hướng dẫn nghiệp vụ công tác hòa giải ở cơ sở*”; **40** tình huống pháp luật và **08** bộ tài liệu hỗ trợ, tài liệu tham khảo về các lĩnh vực dân sự, hình sự, hôn nhân và gia đình, khiếu nại, tố cáo nhà ở, đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường..., in **20.015** cuốn cung cấp cho 100% Tổ hoà giải trên địa bàn tỉnh. Các cơ quan, đơn vị, UBND các huyện, thành phố đã phối hợp cung cấp các tài liệu pháp luật cho **38.902** lượt hòa giải.

1.2. Xây dựng đội ngũ tập huấn viên cấp huyện; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng về phương pháp bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ, kỹ năng hòa giải ở cơ sở cho đội ngũ tập huấn viên cấp huyện.

Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 274/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 công nhận Tập huấn viên hoà giải cấp tỉnh với **05** Tập huấn viên là lãnh đạo, công chức Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Sở Tư pháp, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh. 07/07 huyện, thành phố đã quyết định công nhận **39** Tập huấn viên cấp huyện³.

Sở Tư pháp phối hợp với Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật, Bộ Tư pháp tổ chức Hội nghị tập huấn bảo đảm bình đẳng giới trong quá trình hòa giải ở cơ sở cho đội ngũ tập huấn viên cấp tỉnh khu vực miền núi phía Bắc cho **38** đại biểu; cử **15** lượt Tập huấn viên cấp tỉnh, cấp huyện tham gia **02** Hội nghị do Bộ Tư pháp tổ chức; hướng dẫn các huyện, thành phố tổ chức tập huấn cho **33** Tập huấn viên cấp huyện theo Bộ tài liệu bồi dưỡng tập huấn viên hoà giải ở cơ sở do Bộ Tư pháp biên soạn. Việc bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ hòa giải cơ sở cho đội ngũ tập huấn viên còn được thực hiện lồng ghép trong **349** Hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho **30.924** lượt Hoà giải viên.

Sở Tư pháp phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và Ban Dân vận Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 01/KHPH-MTTQ-BDV-UBND ngày 31/7/2021 về tổ

³ Gồm: thành phố Tuyên Quang: 06 người; huyện Yên Sơn: 06 người; huyện Sơn Dương: 08 người; huyện Hàm Yên: 05 người; huyện Chiêm Hoá: 03 người; huyện Na Hang: 06 người; ; huyện Lâm Bình: 05 người.

chức Hội thi “*Hòa giải viên giỏi*” tỉnh Tuyên Quang năm 2021; hướng dẫn các huyện, thành phố tổ chức Hội thi cấp huyện.

1.3. Xây dựng đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở; củng cố, kiện toàn tổ hòa giải; tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ hòa giải cho đội ngũ hòa giải viên.

Công tác củng cố, kiện toàn tổ hòa giải và hòa giải viên được quan tâm thực hiện; có sự phối hợp tốt giữa cơ quan Tư pháp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp trong chỉ đạo, hướng dẫn, thực hiện củng cố kiện toàn tổ hòa giải và hòa giải viên. Hằng năm, UBND tỉnh đều ban hành văn bản chỉ đạo kiện toàn Tổ hoà giải và đội ngũ hoà giải viên; UBND các xã, phường, thị trấn phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã chỉ đạo thực hiện kiện toàn tổ hòa giải và hòa giải viên; trình tự, thủ tục bầu, công nhận tổ hòa giải, hòa giải viên được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Đến nay, toàn tỉnh có **1.733** tổ hoà giải/**1.733** thôn/tổ dân phố với **10.594** hòa giải viên, trung bình mỗi Tổ hoà giải có từ 05 - 07 hoà giải viên, đảm bảo các tổ hòa giải đều có hòa giải viên nữ, đối với vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số, tổ hòa giải đều có hòa giải viên là người dân tộc thiểu số. Đa số hoà giải viên là những người đang tham gia hoạt động trong các tổ chức, đoàn thể của thôn, xóm, tổ dân phố (*Mặt trận Tổ quốc, Phụ nữ, Nông dân, Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, trưởng thôn, tổ trưởng tổ nhân dân, Bí thư chi bộ thôn, già làng, chức sắc tôn giáo*), được nhân dân tín nhiệm, có khả năng vận động thuyết phục.

Sở Tư pháp phối hợp với Ban Dân vận Tỉnh uỷ tổ chức Hội nghị trực tuyến “*Công tác Dân vận trong hoạt động hòa giải*” với **80** đại biểu tham dự. Ban Dân vận Tỉnh uỷ tổ chức Hội thảo khoa học “*Những điểm mới về công tác dân vận trong thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; đẩy mạnh học tập phong cách dân vận của Chủ tịch Hồ Chí Minh*”, trong đó có nội dung về “*Tăng cường “Dân vận khéo” trong thực hiện công tác hoà giải ở cơ sở*”.

Sở Tư pháp, UBND các huyện, thành phố đã tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho **30.924** lượt hoà giải viên trên địa bàn toàn tỉnh (*trong đó, Sở Tư pháp tập huấn, bồi dưỡng cho 205 hoà giải viên, Phòng Tư pháp các huyện, thành phố tập huấn, bồi dưỡng cho 30.719 lượt hoà giải viên*). 07/07 huyện, thành phố đã in, cung cấp cho 100% Tổ hoà giải 03 bộ “*Tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ hoà giải ở cơ sở dành cho hoà giải viên*” do Bộ Tư pháp biên soạn; thực hiện tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho đội ngũ hoà giải viên theo 03 bộ tài liệu bồi dưỡng.

1.4. Thực hiện chỉ đạo điểm nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở tại địa phương

Tại Kế hoạch số 93/KH-UBND và Văn bản số 691/UBND-NC ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh về thực hiện Đề án đã yêu cầu mỗi huyện, thành phố lựa chọn **10%** số xã để thực hiện chỉ đạo điểm, đến nay 07 huyện đã lựa chọn **13** xã để thực hiện chỉ đạo điểm.

Sở Tư pháp ban hành Văn bản số 1249/STP-XDKTTHPL&PBGDPL hướng dẫn xây dựng mô hình hoà giải tại cơ sở Quyết định số 1723/QĐ-BTP ngày 15/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành ban hành Hướng dẫn tiêu chí huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới, tiêu chí tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 và tiêu chí quận, thị xã, thành phố đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thuộc tiêu chí quận, thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh. Hằng năm, Sở Tư pháp biên soạn tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ, tài liệu hỗ trợ, tham khảo cung cấp cho các tổ hoà giải, trong đó có tổ hoà giải thuộc các xã chỉ đạo điểm; UBND các huyện, thành phố tổ chức 25 hội nghị tập huấn, bồi dưỡng cho hoà giải viên thuộc các xã chỉ đạo điểm; thường xuyên huy động đội ngũ luật gia, công chức tư pháp đã nghỉ hưu, các lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, tổ chức, cá nhân có hiểu biết pháp luật tham gia tập huấn, bồi dưỡng cho hoà giải viên, tham gia hỗ trợ hoà giải

1.5. Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc nâng cao năng lực đội ngũ hoà giải viên

Các cơ quan quan, đơn vị đã tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc nâng cao năng lực đội ngũ hoà giải viên. Sở Tư pháp thường xuyên biên soạn tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ, các tình huống pháp luật, đăng tải Bộ tài liệu bồi dưỡng tập huấn viên hoà giải ở cơ sở, Bộ tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ hoà giải ở cơ sở dành cho hoà giải viên, các tài liệu do Sở Tư pháp biên soạn lên Trang Thông tin điện tử Phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh Tuyên Quang, Trang Thông tin điện tử Sở Tư pháp; chia sẻ trên các trang mạng xã hội, gửi lên các nhóm zalo trao đổi công việc của ngành để thuận tiện cho tập huấn viên, hoà giải viên ở cơ sở trong việc tra cứu khai thác, sử dụng tài liệu.

1.6. Kinh phí thực hiện Đề án.

Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Nghị quyết 11/2015/NQ-HĐND ngày 18/01/2015 Quy định mức chi thực hiện công tác hoà giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, trong đó quy định cụ thể 04 mức chi, gồm: (1) Chi thù lao hoà giải viên 200.000 đồng/vụ, việc/tổ hoà giải (*bằng mức tối đa của Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP*); (2) chi hỗ trợ hoạt động của tổ hoà giải 70.000đ/tổ hoà giải/tháng; (3) chi bồi dưỡng thành viên Ban tổ chức bầu hoà giải viên tham gia họp chuẩn bị cho việc bầu hoà giải viên 50.000 đồng/người/buổi; (4) chi tiền nước uống cho người tham dự cuộc họp bầu hoà giải viên 7.000 đồng/người/buổi. Các nội dung chi và mức chi khác không được quy định tại Nghị quyết 11/2015/NQ- HĐND được thực hiện theo Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 30 tháng 7 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác hoà giải ở cơ sở và các Nghị quyết có liên quan của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Nghị quyết 11/2015/NQ- HĐND, hằng năm, UBND tỉnh bố trí đủ kinh phí thực hiện. Trong 04 năm (từ năm 2019 đến năm 2022) UBND tỉnh đã cấp **13.908.108.000** đồng (*Mười ba tỷ, chín trăm linh tám triệu, một trăm linh tám nghìn đồng*) cho công tác hòa giải ở cơ sở. Kinh phí cho công tác hoà giải ở cơ sở được xác định là nội dung chi có mục tiêu, do vậy được đảm bảo đầy đủ, đáp ứng chi cho 100% thù lao vụ việc với mức tối đa và chi hỗ trợ hoạt động của Tổ hoà giải. Sở Tư pháp phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn việc thực hiện thủ tục thanh quyết toán kinh phí cho các tổ hoà giải bảo đảm đơn giản, thuận tiện, nhanh chóng, kịp thời, đúng quy định. Thủ tục hành chính về chi cho công tác hoà giải ở cơ sở được các địa phương thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật.

2. Đánh giá kết quả đạt được các mục tiêu đề ra trong Đề án

2.1. Đánh giá mức độ hoàn thành các mục tiêu

Qua 04 năm thực hiện Đề án trên địa bàn tỉnh đã đạt được mục tiêu Đề án đề ra. Các tài liệu tập huấn, bồi dưỡng cho tập huấn viên, hòa giải viên ở cơ sở đều được đăng tải trên Trang thông tin điện tử Phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh Tuyên Quang, Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp và chia sẻ trên mạng xã hội; 1.736/1.736 (đạt 100%) tổ hoà giải ở cơ sở được củng cố, kiện toàn đủ số lượng, thành phần cơ cấu hòa giải viên theo quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở; 100% hòa giải viên ở cơ sở được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ hòa giải; 100% đội ngũ tập huấn viên cấp tỉnh, cấp huyện được tập huấn, bồi dưỡng, cung cấp tài liệu để hướng dẫn, bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho hòa giải viên ở cơ sở.

2.2. Đánh giá tác động đối với thay đổi nhận thức của hòa giải viên

Việc triển khai, thực hiện Đề án trên địa bàn toàn tỉnh đã giúp cho các hòa giải viên được nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cơ bản về công tác hòa giải ở cơ sở, từ đó nâng cao chất lượng hoà giải các mâu thuẫn, tranh chấp vi phạm pháp luật trong cộng đồng dân cư thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở. Công tác hòa giải ở cơ sở đã nhận được sự quan tâm, sự nhiệt huyết, cống hiến của đông đảo đội ngũ hòa giải viên. Những mâu thuẫn nhỏ, những khúc mắc trong quan hệ gia đình, làng xóm đã được các hòa giải viên hóa giải góp phần tạo thêm tình thân thương ái, hướng đến xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư; đồng thời, tạo sự đồng thuận, niềm tin của nhân dân vào các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2.3. Đánh giá hiệu quả của công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn.

Trong 04 năm qua, các tổ hoà giải trên địa bàn toàn tỉnh đã hoà giải thành **15.740/18.108** vụ việc, đạt tỉ lệ **85 %** trong đó có 01 vụ, việc được Tòa án ra quyết định công nhận hoà giải thành⁴. Qua đó đã góp phần quan trọng trong việc giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng khối đại đoàn kết trong cộng đồng dân cư, giảm thiểu đơn thư khiếu kiện, giúp các cơ quan nhà nước và công dân tiết

⁴ Huyện Sơn Dương.

kiệm được thời gian và kinh phí, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

(Có biểu thống kê chi tiết kèm theo)

III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế và vướng mắc

- Một số công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã chưa thực hiện tốt vai trò tham mưu triển khai thực hiện và theo dõi công tác hòa giải ở cơ sở; có nơi chưa phát huy được vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc trong quản lý nhà nước về công tác hòa giải ở cơ sở.

- Một số đơn vị chi kinh phí cho hoạt động của tổ hòa giải ở cơ sở chưa kịp thời; kinh phí chi cho nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác hòa giải cơ sở còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, có Phòng Tư pháp cấp huyện không được cấp kinh phí này.

- Việc huy động nguồn lực xã hội, nhất là huy động người có trình độ, chuyên môn về Luật tham gia công tác hoà giải ở cơ sở còn hạn chế.

- Số vụ việc hoà giải thành đề nghị Tòa án công nhận hoà giải thành còn thấp.

2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

- Công chức Tư pháp - Hộ tịch của một số xã thay đổi, một số xã còn thiếu biên chế công chức cấp xã tại một số thời điểm; còn có công chức cấp xã chưa chủ động tham mưu thực hiện nhiệm vụ nên việc tham mưu thực hiện công tác hoà giải ở cơ sở còn hạn chế.

- Điều kiện kinh tế của địa phương còn khó khăn nên kinh phí chi cho hoạt động quản lý nhà nước về hòa giải cơ sở còn hạn hẹp.

- Việc tuyên truyền để người dân biết về quyền được đề nghị Tòa án công nhận kết quả hoà giải thành còn chưa thường xuyên.

3. Bài học kinh nghiệm.

Thứ nhất, Các cấp ủy, chính quyền cần nhận thức đúng đắn, sâu sắc và toàn diện về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của công tác hòa giải ở cơ sở, từ đó xác định được phương hướng, nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch hành động cụ thể để thực hiện tốt công tác hòa giải ở cơ sở.

Thứ hai, Chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng chủ trương, đường lối, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước về công tác hòa giải ở cơ sở nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của công tác này trong đời sống xã hội, để Nhân dân lựa chọn sử dụng ngày càng nhiều hơn biện pháp hòa giải để giải quyết các tranh chấp, mâu thuẫn trong cộng đồng.

Thứ ba, Cơ quan Tư pháp từ tỉnh đến cơ sở thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc các cấp và các tổ chức thành viên của Mặt trận các cấp trong

quản lý công tác hòa giải ở cơ sở, củng cố, kiện toàn, nâng cao năng lực hoạt động, phát huy vai trò chủ động tham mưu của cán bộ Tư pháp các cấp trong quản lý nhà nước về công tác hòa giải ở cơ sở.

Thứ tư, Để tăng cường hiệu quả hoạt động hòa giải ở cơ sở phải gắn công tác hòa giải với công tác PBGDPL, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân; cần thường xuyên cung cấp thông tin, tài liệu pháp luật cho tổ hòa giải và hòa giải viên như các đề cương tuyên truyền, tài liệu hỏi đáp pháp luật, tờ gấp pháp luật và các tài liệu cần thiết khác nhằm giúp hòa giải viên nắm bắt kịp thời chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước và vận dụng có hiệu quả trong quá trình tiến hành hòa giải các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật.

Thứ năm, Thường xuyên kiểm tra đánh giá hoạt động hòa giải ở cơ sở, khen thưởng kịp thời những cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, gương sáng điển hình trong công tác hòa giải ở cơ sở; đồng thời cần thường xuyên bảo đảm những điều kiện về vật chất tốt nhất cho hoạt động này.

Thứ sáu, Bảo đảm kinh phí để triển khai các hoạt động hòa giải ở cơ sở, kinh phí được bố trí hằng năm phải đáp ứng được nhu cầu về cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ và thù lao chi trả cho hòa giải viên.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Tiếp tục tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp đối với công tác hòa giải cơ sở; đảm bảo thực hiện có hiệu quả công tác quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở theo đúng quy định của Luật Hòa giải cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp và các tổ chức thành viên của mặt trận trong công tác quản lý nhà nước về công tác hòa giải ở cơ sở. Đảm bảo kinh phí chi cho hoạt động hòa giải ở cơ sở theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

2. Sở Tư pháp thường xuyên hướng dẫn nghiệp vụ hoà giải ở cơ sở, tổ chức tập huấn cho đội ngũ tập huấn viên cấp huyện, làm nòng cốt để thực hiện tập huấn cho đội ngũ hoà giải viên; biên soạn tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ, kỹ năng hoà giải cung cấp cho các Tổ hoà giải ở cơ sở. UBND các huyện, thành phố đổi mới về phương thức tập huấn cho hoà giải viên, theo hướng cụ thể, “*cầm tay chỉ việc*”, sử dụng có hiệu quả “*Bộ tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ hoà giải ở cơ sở*”. Có giải pháp huy động đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn luật đã nghỉ hưu, các luật gia, luật sư tham gia hoạt động hoà giải. Thực hiện tốt công tác theo dõi thi hành pháp luật về hoà giải ở cơ sở; thường xuyên rà soát văn bản quy phạm pháp luật để kiến nghị hoàn thiện cho phù hợp.

3. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; phát huy vai trò, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức tham gia công tác hòa giải ở cơ sở, đặc biệt là vai trò nòng cốt, đầu mối của công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã phải thường xuyên theo dõi, nắm chắc tình hình, hoạt động để chủ động, linh hoạt tham mưu, đề xuất

với lãnh đạo chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo phù hợp, sát thực tiễn, đáp ứng kịp thời yêu cầu nhiệm vụ, đảm bảo đúng quy định pháp luật.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên của Mặt trận tiếp tục quan tâm, hướng dẫn, chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc các cấp và các tổ chức thành viên của Mặt trận thường xuyên giữ mối quan hệ phối hợp cơ quan Tư pháp trong thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở theo chức năng, nhiệm vụ pháp luật giao.

5. Tăng cường chỉ đạo công tác tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng hòa giải ở cơ sở để nâng cao trình độ, năng lực của hòa giải viên. Phương pháp tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cần được đổi mới theo hướng tích cực sử dụng phương pháp tập huấn cùng tham gia, chú trọng việc đưa ra tình huống và giải quyết tình huống, khuyến khích đối tượng được tập huấn nêu tình huống và tham gia tranh luận, giải quyết tình huống; chú trọng hơn việc tập huấn về kỹ năng hòa giải, nắm bắt tâm lý con người...

6. Tiếp tục đầu tư cho việc khai thác, biên soạn, phát hành tài liệu hướng dẫn kỹ năng, tài liệu pháp luật cho đội ngũ hòa giải viên; có kế hoạch và biện pháp cụ thể để cung cấp đầy đủ các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động hòa giải ở cơ sở cho các tổ hòa giải. Đẩy mạnh ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong công tác tuyên truyền, tập huấn, chia sẻ kinh nghiệm. Đẩy mạnh các hình thức trao đổi, học hỏi kinh nghiệm, kỹ năng hòa giải, tổ chức sân khấu hóa các cuộc thi hòa giải viên nhằm lan tỏa việc tuyên truyền, PBGDPL.

7. Bảo đảm kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở; tăng cường huy động các nguồn lực xã hội hóa, hỗ trợ cho hoạt động hòa giải của địa phương.

Trên đây là báo cáo Tổng kết Đề án “*Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2019-2022*” ban hành tại Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 19/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang./.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh;
- Giám đốc Sở;
- Các PGĐ Sở;
- UBND huyện, TP;
- Phòng TP huyện, TP;
- Webside PBGDPL
- Lưu: VT, XDKTTHPL&PBGDPL.
(NT.Hiền).

(b/cáo);

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thược

